

Đường dài mới biết ngựa hay

Kính gửi anh “Nhâm Ngọ” N.T.B., nguyên Đại Úy Y Sĩ Trưởng
Thiết Đoàn 6 Kỵ Binh QLVNCH

Lê Bình Phương

Ngựa, trong âm lịch “can, chi”, gọi Ngọ; trong tiếng Hán: gọi Mã
Ngày 17/2/2026 là ngày Mồng Một Tết Bính Ngọ.

Bính Ngọ lần trước, cách đây 60 năm, là ngày 21/1/1966. Là năm
lụt lội miền Tây, “biến động” miền Trung!

60 năm, nghe thì lâu nhưng nghĩ lại không “có bao nhiêu”. Như
“60 năm cuộc đời” (1933-1992) của tác giả câu hát !

Trong hệ thống tính ngày, giờ, tháng, năm của Tàu, có 12 “Chi”
(thú) nhưng chỉ có 10 “Can”: 5 Âm và 5 Dương. Bắt đầu từ Tý (Âm),
Sửu (Dương), chấm dứt bằng Thân (Dương), Dậu (Âm). Nên phải
thêm Tuất: Dương/Hợi: Âm !

Mệnh Dương hay Âm tùy thuộc vào “tận cùng bằng số” năm
sinh. Số lẻ là “Âm”, chẵn “Dương”.

“Can” âm đi với “chi” âm. “Can” dương đi với “chi” dương. Chi
Ngựa thuộc Dương, nên đi với 5 can Dương: Giáp, Bính, Mậu, Canh,
Nhâm. Hết chu kỳ 12 năm: “chi lại hoàn chi”. Hết chu kỳ 60 năm
(12x5): “can gặp lại can”.

Tháng Ngọ là tháng 5 âm lịch. Giờ Ngọ kéo dài từ 11- 13h. Hướng
Ngọ là hướng Nam. Dừng ngựa không phải là xơi thịt ngựa. Mà là
buổi cơm trưa của các ni sư, tăng sĩ. “Anh theo Ngọ về” không có
nghĩa là anh đi theo ... ngựa(?). Mà là ông Phạm thiên Thư đi theo
cô Hoàng thị Ngọ (Ngày xưa Hoàng Thị)

Theo các chuyên viên lắc mu rùa, người tuổi Ngựa tánh tình
phóng khoáng, thẳng thắn (như ruột ngựa), dũng cảm, yêu đời, vui
vẻ, thích đi đây, đó (như ngựa), thích màu vàng, màu cam vv (Người
ta tuổi Ngọ, tuổi Mùi / Riêng tôi ngâm ngùi mang lấy tuổi Thân !).
Nhược điểm của tuổi Ngọ là nóng tánh, dễ xúc động vv. Tuổi Ngọ

hạp với các tuổi Dần, Tuất, Mùi và khắc với Tý, Ngọ, Dậu. Theo tử vi tây - phương, ngựa thuộc cung Nhân Mã (sinh 22/11 đến 21/12) là chòm sao hóa thân từ con ngựa Pegasus của người hùng Hy Lạp Bellerophon!

Những nhân vật lịch sử, văn chương nổi tiếng sinh năm Ngọ: Lê quý Đôn (Bính Ngọ 1726 -1784), Phan Huy Ích (Canh Ngọ 1750-1822), Nguyễn đình Chiểu (Nhâm Ngọ 1822-1888), Hoàng hoa Thám (Mậu Ngọ 1858-1913), Trần quý Cáp (Canh Ngọ 1870-1909), Trần tế Xương (Canh Ngọ 1870-1907), Nguyễn Bính (Mậu Ngọ 1918-1966) vv

Trong 12 con giáp, có 3 con bị người đời đê đầu, cười cổ! Sướng nhất là các chú mục đồng, vừa ngồi lưng trâu, phất ngọn cờ lau, vừa miệng hát nghêu ngao (Em bé quê/Phạm Duy). Khổ nhất là những người (lỡ) leo lưng cọp, kỵ hổ nan hạ. (cưỡi vợ, lấy chồng chẳng hạn ?!). Lỡ rồi thì “cũng đành nhắm mắt đưa chân (?) / để xem con cọp(?) đưa dần đến đâu” ! Chỉ có cưỡi ngựa là thông dong tự tại, “an toàn trên xa lộ, thanh lịch trong thành phố”(như xe gắn máy Suzuki !)

Có lẽ vì là con vật quen thuộc, gần gũi trong đời sống nên người ta không lấy cái vút bay của chim, cái phóng nhanh của báo. Mà là cái “bóng câu qua cửa” để nói lên cái hữu hạn của một đời người !

Khác với con trâu, đã không ... thông minh, lại không biết thưởng thức nhạc, hay con cọp, chỉ biết gầm dọa hoặc xem hát “c p”, ngựa hiểu được tiếng người, biết nhận ra chủ và còn nhớ lệnh của “ông thầy”, dù có “10 năm thầy cũ” ! Lông đuôi ngựa được dùng làm archet để kéo đàn dây (vĩ cầm, hồ cầm, đại hồ cầm). Mồm ngựa được người hôn. Bờm ngựa, thân ngựa được vuốt ve, âu yếm, khác với “dế” ngựa ít ai dám mó ! Ở Paris, những “con ngựa điên” (Crazy Horse) rất được nhiều người, nhất là du khách, bỏ tiền, đi xem nhảy múa !

Ngựa là động vật có vú (ngựa-điên Paris chẳng hạn). Tuổi thọ từ 25 - 30 năm. Ngựa có nhiều giống. Mỗi giống được người dùng vào những việc khác biệt. Ngựa Kỳ dùng trong chiến trận. Ngựa Kỳ (ngựa Chiến) là ngựa lạ, hiếm quý. Ngựa Nô, ngựa Đài dùng để chuyên chở.

Ngựa Chiến là các giống: Thiên Lý Mã, Huyết Hãn Mã / mỗ hôi đở như máu (Akhal-Teke), Thiên Mã (Ba Tư, Ả Rập).

Luận về ngựa, có các danh từ: Mã, Thố (thỏ), Long (cao lớn như rồng), Câu (ngựa tơ, bóng câu qua cửa), Kỳ (ngựa hay); Ký (bền), Đề (móng thú / mã đề dương cước), Nô (nhác), Đài (lai); tính từ: Tuấn (đẹp), Lạc (vui), Bảo (quý), Phiêu (mập)

Ngựa cưỡi (cao 160 – 170cm/ nặng 500 – 600kg), ngựa kéo (160-180 cm/700-1000kg) vv Ngựa giống nhỏ (135cm -147cm, poney), tập trung ở Nam Carolina, sống lâu hơn (40-50 năm).

Ngựa Việt Nam thì cao hơn tí, khoảng 1,5m. Tuy không chạy nhanh (25-27 km/ giờ) nhưng bù lại, dai sức hơn các giống khác, lại ít bị bệnh, chịu kham khổ, dùng chở hàng (120kg-150kg) không sợ “en panne” bất tử. Ngựa non Việt Nam rất hào đá trong khi ngựa bà Việt Nam, nhất là ngựa Thượng Tứ, bị mấy bà ghét cay, ghét đắng (?)!

Ngựa uống, ít nhất, gần 100 lít nước mỗi ngày (cũng may là chỉ uống có nước!). Tim ngựa lớn (4kg /nên bị rửa là dĩ ngựa?). Trí nhớ rất tốt (ngựa quen đường cũ). Bụng luôn có tiếng “sôi ruột” (dù không giận ai). Nếu không “sôi”, có nghĩa là đang đau bụng. Ngựa thích ngủ đứng, chỉ ngủ nằm khi hết xí quách, nhờ cơ thể khóa được các khớp xương chân, không để sụm bà chề khi “thăng”.

Ngựa có thể biết được tâm trạng vui buồn của chủ, qua cách lắng nghe (thở dài ?), nhìn mặt (dầu dầu ?) hay ngửi...mùi (khổ nhất là những lúc buồn tình, chủ cũng buồn tằm! Chủ còn ở xa, ngựa đã lùi bước, lắc đầu nguầy nguậy, phản đối !). Tiếng hí là phương tiện thể hiện cảm xúc và truyền thông, giữa ngựa với ngựa. Khi nghe một tiếng hí ... buồn (?) của con ngựa khác, ngựa sẽ thở nhanh, ngẩng đầu lên, hí lại (an ủi ?). Khác với người, ngựa khịt mũi khi thoải mái.

Ngựa lai, tập trung nhiều nhất ở Mã Lai. Trong khi La Mã là nơi có nhiều “la lai ngựa”! “Ngựa quen đường cũ” là ngựa của các “tửu đồ”, “xỉn” cách mấy cũng mò được về nhà ! “Cưỡi ngựa xem hoa” là một tư thế trong quyển “Cửu Âm Chân Kinh” Kamasutra !

Miền Bắc Việt Nam, ngựa tập trung nhiều ở các vùng núi và

trung du. Do địa thế hiểm trở, người ta dùng ngựa để chở hàng (thò hàng). Ở miền Nam, ngựa được dùng nhiều trong phương tiện giao thông (xe thổ mộ) và đua ngựa. Nổi tiếng nhất là con ngựa cái Mai Phụng, nhảy cao, bền bỉ, khôn ngoan, thân hình đẹp vv, là chú ngựa lai được Nữ Hoàng Anh tặng lúc khánh thành trường đua Phú Thọ (bị đóng cửa từ 31/5/2011!).

Theo các nhà khoa học, quá trình tiến hóa của ngựa là 45-55 triệu năm. Như con người (gốc vượn), từ một con vật nhỏ, chân nhiều ngón, ngựa trở thành cao lớn nhưng chỉ còn một ngón chân. Ngựa cái mang thai khoảng 1 năm mới sinh nở.

Ngựa xuất hiện nhiều trong đời sống người Việt, qua ngôn từ, qua chữ viết, qua các địa danh. Xe máy “ngựa”. Vành móng ngựa. Bộ ván ngựa gỗ. Cá ngựa. Sóc ngựa. Bọ ngựa. Gấu ngựa. Dơi ngựa. Cây nhạc ngựa. Cỏ roi ngựa. Củ cải ngựa vv Sông Mã (sông Mã gầm lên khúc độc hành / Quang Dũng). Phường Bạch Mã. Phố Kim Mã. Núi Mã Yên (Ninh Bình): nơi chôn cất hai vị vua Đinh Tiên Hoàng (đỉnh núi) và Lê Đại Hành (chân núi), Bến Ngựa (Phú Yên) vv

Lúc nhỏ, tôi hình dung “ngựa” qua trang sách và thấy “ngựa” trên màn ảnh. Ngựa trong sách là ngựa các anh hùng Việt, Tàu. Ngựa trên màn ảnh là ngựa của những chàng cao bồi Mỹ.

Người cưỡi ngựa, trong sách Tàu, tuy nói là “nai nịch gọn gàng” nhưng cũng áo giáp, mũ sắt, giáo, kích, thương tùm lum, lĩnh lĩnh vô cùng! Ngược lại, những chàng cao bồi, đầu đội nón ... cao bồi, cổ quấn khăn nhỏ, áo “con khi”, quần ống loa, chân mang boots, chỉ một cây súng (bá vàng) nhỏ xíu, xệ xệ ngang hông, mà đã hạ biết bao nhiêu đứa gian tà! Mê nhất là lúc bắn xong lại quay súng mấy vòng, trước khi đút vào bao, trông rất ngoạn mục!

1/ Ngựa trong sách vở:

Ngựa Việt:

Con ngựa Việt Nam nổi tiếng nhất phải là con ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương, Thánh tổ binh chủng Thiết Giáp (QLVNCH). Con ngựa của “Ngã sáu Sài Gòn”, của “một thời để yêu và một thời mãi nhớ” của những cô, cậu Sài Gòn



Kế tiếp, viết theo ngày tháng, là con “Song Vỹ Hồng”, lông hồng, đuôi dài có hai màu (bên trắng, bên hồng) của danh tướng Lý Thường Kiệt, người phá Tống, bình Chiêm.

Nệ Thông, với sắc lông 3 màu: trắng, đen, xanh, là chiến mã của vua Trần Duệ Tông. Nhưng chiến mã cũng là tử mã khi vua tử trận lúc thân chinh đánh Chiêm Thành (Chế Bồng Nga) !

Vua Minh Mạng có 7 con ngựa quý: Phúc Thông, Cát Thông, An Tường Ký, Thần Lương, Phúc Lưu, Cát Lưu, Thiên Mã. Nhưng “ngựa quý” này chỉ để làm cảnh, chụp hình!

Thời Tây-Sơn có “Tây-Sơn Ngũ Thần-Mã”:

-Bạch-Long-Câu của vua Nguyễn-Nhạc, loại “Ngựa Hạc”, lông trắng như tuyết, bờm và đuôi lông dài mượt như tơ. Chạy nhanh như gió, phi nước đại như nhẹ nhàng như bay.

-Xích-Kỳ của Tả Đô-Đốc Nguyễn-Văn-Tuyết, loại “Ngựa Tía”, lông màu đỏ, bờm và đuôi lông đen huyền.

-Ô-Du của Đại-Tướng Đặng-Xuân-Phong: bốn chân thon nhỏ như chân nai, lúc đi thì khoan-thai uyển-chuyển, lúc chạy thì thoăn-thoắt như bay.

-Ngân-Câu (Huyết-Hãn Mã) của Nữ-Tướng Bùi-thị-Xuân, lông trắng, vóc to, sức khỏe, loại “Ngựa Kim”, nên được đặt tên là Ngân-

Câu.

-Hồng-Lư (Huyết-Hãn Bảo-Câu) của Danh-Tướng Lý-Văn-Bưu, “Ngựa Hồng-Lão”, lông màu nâu-hồng ánh vàng, đầu như đầu Lừa (Hồng-Lư), thuộc loại bất-kham; chỉ chịu mệnh lệnh của tướng Bưu

Ngoài ra còn:

“Bằng-Châu Kỳ Mã” của ông Đinh-Cường ở Bằng Châu thuộc huyện An-Nhơn, ông Ngoại(?) vua Quang Trung, thuộc giống Huyết-Hãn Bạch Tạng (Albinos), lông trắng như tuyết, hai mắt đỏ ngầu, chạy nhanh như gió

“Linh-Phong Song Tuấn-Mã “: Một của tướng Mai-Xuân-Thưởng (1860-1887). Một của Quản-Trấn Trần-Tân. Hai con ngựa giống bắc-thảo, thường đi cặp với nhau

Ngựa Tàu:

Ngựa Tàu ở đây không phải Tàu Mao hay Tàu Tướng, mà là Tàu “Tam quốc chí” ! Như “chưởng”, đọc Tam quốc Chí là phải đọc liền từ từ cho hết chuyện, nói theo dân “nổ” là “đêm 7, ngày 3”! Truyện La Quán Trung, ngoài những con người nổi tiếng, còn có những con ngựa nổi tiếng. Trong đó, Tào Tháo, một người nổi tiếng, có 2 con ngựa nổi tiếng:

-con Xích Thố có bộ lông đỏ, mà tôi gọi là con ngựa “Thúy Kiều”, hồng mã đa truân! Từ Đổng Trác qua tay Lữ Bố, sang đến Tào Tháo. Họ Tào mang tặng Quan Công. Khi Quan Công mất, chủ mới của Xích Thố là Mã Trung (Đông Ngô), người đã bắt Quan Công. Có lẽ vì bắt phục Mã Trung, nên Xích Thố nhịn ăn đến chết !

-con Tuyệt Ảnh (phi nhanh, đến đổi không thấy bóng hình) cũng là một con ngựa cưng của Tào Tháo, nó đã cứu họ Tào khi bị trúng kế của Trương Tú.

Những con ngựa nổi tiếng khác là Địch Lô của Lưu Bị, Ô Vân Đạp Tuyết của Trương Phi, Bạch Long của Triệu Tử Long. 6 con ngựa chiến của Đường Thái Tông, Chiêu Lăng Lục Tuấn: Thập-Phạt-Xích, Thanh Chuy, Đặc Lặc Phiếu. Quyên Mao Qua. Bạch Đề Mã. Táp Lộ Tử

Ngựa Tây:

Được nói đến nhiều nhất là con ngựa ... gỗ thành Troie (tướng Ulysse đưa kế). Nhờ vào con ngựa gỗ khổng lồ, dẫu đầy quân Hy

Lạ trong bụng rồng, mà quân giữ thành Troie không biết, đã kéo vào, xem như một chiến công. Để rồi nửa đêm, khi quân thành Troie ăn mừng chiến thắng no say, ngủ mê mết, thì quân Hy, từ trong bụng ngựa chui ra, mở cửa thành, cho đại quân tiến vào. Nội công ngoại kích. Thành Troie lọt vào tay Hy Lạp!

Bucéphale (đầu bò) là con ngựa độc đáo của Alexandre Đại đế. Trước ông, không ai cưỡi được nó. Cho đến khi hoàng tử Alexandre, 12 tuổi, sau nhiều lần quan sát, biết nó hung hăng vì sợ cái bóng của chính nó và của những người đến gần nó. Nên hoàng tử nhẹ bước đến gần, tỏ vẻ thân thiện, từ từ hướng nó về phía mặt trời. Khi nó đứng yên rồi, cậu mới từ từ leo lên lưng ngựa, giật cương phi nước đại. Từ đó, trong gần 20 năm trời, con Bucéphale đã đưa Đại đế đi từ chiến thắng này sang chiến thắng khác. Nhất là trận cuối Hydaspes, đánh với quân Ấn, Bucéphale, dù bị thương nặng, vẫn gắng sức giúp Đại Đế chiến thắng, trước khi gục ngã! Thương tiếc, nhớ ơn con tuấn mã, vua Alexandre đã dựng thành phố Bucéphalie tại địa điểm này. Về sau, một nhóm người, cũng bắt chước ông vua, lấy tên một ...giống ngựa phương Bắc, thay cho cái tên mấy trăm năm tuổi của “hòn ngọc Viễn Đông” !!!

Nelson là tên con chiến mã của George Washington, đã giúp ông đánh thắng quân Anh trong trận chiến thung lũng Forge -Yorktown

Con ngựa đã mang Nã Phá Luân xông pha đoạt thắng lợi trên các chiến trường: Austerlitz, Jena, Wagram, được ông đặt tên là Marengo (địa danh trong chiến thắng 1800)

Silver là tên con ngựa nổi tiếng của John Wayne trong “La Chevauchée fantastique (1939)”.

Những người trẻ miền Nam, nhất là Sài Gòn, của thập niên 60s-70s, thế nào cũng nhớ con Jolly Jumper, con “ngựa phi đường xa thật nhanh”, nhanh nhất miền Tây nắng quái, của chàng cao bồi mặt “Fernandel” Lucky Luke (cha đẻ là họa sĩ Bỉ Morris), nổi tiếng “bắn nhanh hơn cái bóng của mình”. Đã thế, Jolly Jumper lại có nhiều tài: đi dây, thổi khẩu cầm, chơi cờ ca-rô, cả bàn luận văn chương với ông thầy!

2/ Ngựa trong chiến tranh:

Khởi thủy, trong chiến tranh, ngựa được dùng để kéo các cỗ xe (xà ích và 1, 2 xạ thủ). Nhận thấy cỗ xe rất bất tiện trong những địa thế hiểm trở, gập gềnh, Đế Chế Assyrie (Trung Đông) là quốc gia đầu tiên đã đưa kỵ mã vào chiến trường.

Không có kỵ binh, sẽ không có Alexandre Đại Đế (Macedoine), Thành Cát Tư Hãn, Hốt tất Liệt, Nã Phá Luân, Cesar vv đã đành, mà cũng không có Lý Thường Kiệt, Trần quốc Tuấn, Quang Trung, Bùi thị Xuân vv Kỵ sĩ tài giỏi trên lưng chiến mã dũng cảm, chưa đủ. Nếu không có một “Mặt Trời” điều binh, bố trận, tài ba. Như Alexandre Đại Đế, trong trận Gavgamel (331, trước Công Nguyên), đã sử dụng kỵ binh làm lực lượng chánh, đánh tan đại binh của đế quốc Ba Tư quân số, chiến xa nhiều hơn gấp mấy lần !

Thế kỷ 13, vó ngựa quân Mông Cổ tung hoành từ Á sang Âu, dưới sự chỉ huy của Thiết Mộc Chân Đại Đế. Tiến nhanh. Rút gọn. Phản công chớp nhoáng. Có quân hay nhưng cũng nhờ ngựa giỏi. Ngựa Mông chạy nhanh, bền sức, là yếu tố chánh đưa đến những chiến thắng của quân Mông. Trong suốt một thời gian dài, đại quân Mông Cổ “mở rộng bờ cõi”: đi đến đâu là cắm cờ đến đó. Trừ Việt Nam, dưới sự chỉ huy của chính vua Trần Thái Tông (1258) !

Đầu thế kỷ 20, trong thế chiến thứ nhất, quân đội Anh cho ra đời những con “ngựa sắt”, gọi là “tank”, tiếng Việt: xe tăng hay xe thiết giáp. “Mark 1” là loại thiết giáp đầu tiên xuất hiện trên chiến trường Somme/Pháp (1916)

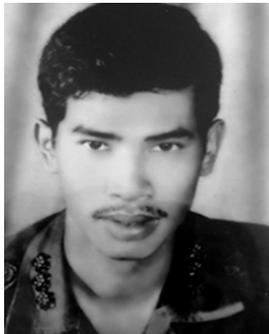
Năm 1955, Binh chủng Thiết Giáp Kỵ Binh Việt Nam Cộng Hòa được thành lập, Chỉ Huy Trưởng là Trung Tá Dương Ngọc Lắm. Theo cường độ chiến trận, các chiến sĩ Thiết Giáp, trong bụng những con “ngựa-sắt”, đã làm điên đảo đối phương, nhất là Lực Lượng Xung Kích của Tướng Trần Quang Khôi

Nhiều vị tướng Thiết Giáp đã (từng) nắm giữ những chức vụ quan trọng trong QLVNCH: các Tướng 3 sao: Vĩnh Lộc (cựu Tư Lệnh QĐ 2, Tổng Tham Mưu Trưởng cuối cùng của QLVNCH), Hoàng xuân Lãm (cựu Tư Lệnh QĐ 1), Nguyễn văn Toàn (Tư Lệnh QĐ 3), Lâm Quang Thơ (Tư Lệnh phó QĐ1); tướng 2 sao Nguyễn duy Hình (Tư

Lệnh SĐ 3); tướng 1 sao: Phan Hòa Hiệp (Tổng trưởng Thông Tin), Lý Tông Bá (Tư lệnh SĐ 25), Trần quang Khôi (Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh) vv Nhưng, người được nhiều người biết đến, là “3 đóa mai vàng”: cố Đại Úy Nguyễn Ngọc Bích (khóa 18 Thủ Đức), danh hiệu truyền tin Bắc Đẩu, nguyên Chi Đoàn Trưởng chi đoàn 218, Thiết đoàn 18 Kỵ Binh của Quân Đoàn 3, cùng đồng đội, đã hy sinh trên chiến trường Quảng Trị, 28/4/1972, ở tuổi 29 !!! Quan tài ông, sau đó, bị trúng pháo 2 lần! Người hùng mũ đen đã được nhạc sĩ Trần Thiện Thanh vinh danh qua ca khúc “Bắc Đẩu” thật hay: “Người bỗng trở thành/Vì sao Bắc Đẩu/Lẻ loi tinh cầu ... Người tên “Bắc Đẩu” chết trận La Vang / liệm xác ba lần/ Ngọc Bích cũng tan/ chỉ còn vì sao thôi / chỉ còn vì sao thôi ...”. (<https://www.youtube.com/watch?v=m5-kWSls-8Q>)

Vâng, chỉ còn vì sao thôi. Nhưng vì sao Ngọc Bích đó vẫn sáng ngời trên nền trời Tự Do, trong lòng những người con miền Nam, quốc nội hay hải ngoại. Cho dù đã 53 năm !

Xin một phút cúi đầu, tưởng niệm những người hùng đã hy sinh trong Mùa Hè Đỏ Lửa !



(nguồn: báo “Người-Việt”-Hoa Kỳ)

3/ Ngựa trên màn bạc:

Các minh tinh, tài tử ngựa xuất hiện rất sớm trên “màn bạc”. Ngay từ thửa chưa có âm thanh (films muets). Như “L’arrivée d’un train en gare de La Ciotat” (1865). Liên tiếp trong mấy thập niên, ngựa xuất hiện trong đủ thể loại phim, không những vì chúng là

phương tiện giao thông, thời bình cũng như thời chiến, là công cụ sinh sống (nông nghiệp) mà còn vì chúng gần gũi, thân thiết với người (như chó, mèo), là những người bạn-đường đúng nghĩa.

Nói đến ngựa không hẳn là nói đến điện ảnh. Nhưng nói đến điện ảnh là phải nói đến ngựa. Phim cao bồi, võ hiệp là phải có ngựa. Cũng như các phim thần thoại, cổ tích hay chiến tranh ở các thế kỷ 18, 19 vv Ngay cả những phim nổi tiếng “gần đây”, như “Le Seigneur des Anneaux” (2001-2003), ngựa cũng là một “vật tố” chính!

Trong những phim nói về ngựa, tôi yêu nhất “The Horse Whisperer” (1998) của Robert Redford, cuốn phim đã khiến thế giới điện ảnh khám phá tài năng của cô bé 14 tuổi Scarlett Johansson!

Nói đến ngựa và điện ảnh mà không nhắc đến tài tử Fernandel (Pháp) là một thiếu sót lớn. Bởi vì ông có khuôn mặt giống ngựa, như ông thường tự nhận (gueule de cheval). Có lẽ vì thế nên không thấy ông đóng phim cao bồi (?), nếu không, “biết ai là ngựa, biết ai người” ?

Điện ảnh Việt nam, tôi chỉ nhớ cuốn phim “Vết thù trên lưng ngựa hoang”(1971), được dựng từ tác phẩm “Vết thù hằn trên lưng con ngựa hoang” của Duyên Anh (1969) với tài tử Trần Quang đóng vai chánh (Hoàng guitar). Ca khúc mang cùng tên, sáng tác của Ngọc Chánh (nhạc) & Phạm Duy (lời), được dùng làm nhạc chính trong cuốn phim !

4/ Ngựa trong âm nhạc Việt:

Ca khúc xưa nhất nhưng phổ biến nhất là bản dân ca Lý Ngựa Ô (khớp con ngựa, ngựa ô)

(Đến đây lại nhớ đến một chuyện ngoài đề nhưng cũng xin ghi lại cho vui (tết mờ!). Đó là câu của La Thoại Tân, người thành công trên nhiều lãnh vực: kịch, MC, hài hước, nói với một bạn hề khác (Tùng Lâm ?). Về cái rắc rối trong tiếng Việt. Tóc đen gọi là tóc huyền. Mắt đen là mắt nhung. Mèo đen gọi mèo mun. Chó đen gọi chó mực. Ngựa đen gọi ngựa ô. Gà đen gọi gà ác. Dầu đen gọi dầu hắc)

Ca khúc “ngựa” nổi tiếng nhất là “Ngựa phi đường xa” (Nguyên tác “Kỵ Binh VN”/ Lê Yên), qua trình diễn của Tam Ca Thăng Long (“Độc Cô Cầu Bại” từ mấy chục năm qua) <https://www.youtube.com/watch?v=jYG7kDoFF-o>

Rồi: Vó câu muôn dặm (Văn Phụng) / Lục Quân Việt Nam (Đường trường xa muôn vó câu bay dập dồn / Văn Giảng) / Bông hồng cho người ngã ngựa (Lê Uyên Phương) / Vó ngựa trên đồi cỏ non (Giao Tiên/1974) / Chàng dũng sĩ và con ngựa vàng (Phạm Duy phổ thơ Phạm thiên Thu)/ Vết thù trên lưng ngựa hoang (Ngọc Chánh-Phạm Duy)/ Hòn vọng phu (ngựa phi ngoài xa hí vang trời/ Lê Thương) / Ghé bến Sài Gòn (ngựa xe như nước rộ ràng / Văn Phụng) / Sài Gòn (ngựa xe như nước trên đường vẫn qua mau / Y Vân) vv

Nếu trong tiểu thuyết Tàu có Xích Thổ, Bạch Mã vv thì trong âm nhạc Việt chỉ có một con ngựa màu sắc là HỒNG MÃ mà có lẽ Phạm Duy là người đầu tiên đã đưa nó vào âm nhạc qua “Chinh phụ ca” (... Rồi nhìn qua sông, em thấy trước sông / Ngựa hồng âu yếm bước sang ...), sáng tác ở Bà Rịa 1945. Có phải từ ca khúc này mà ngựa hồng xuất hiện trong các ca khúc của một số nhạc sĩ như: Trịnh Công Sơn (Ngựa hồng đã mỗi vó chết trên đồi quê hương ... / Đồi vẽ tôi tên mục đồng / Rồi vẽ thêm con ngựa hồng ...); Vũ Đức Sao Biển (ngựa hồng ơi / bao năm rồi ...); Từ công Phụng (Đồi xưa ngựa hồng đã khuất bóng, hồn chênh vênh cỏ buồn / “Một mình trên đồi nhớ”); Phạm thế Mỹ (Ngựa hồng trên đồi cỏ non). Nhưng Phạm Duy, khi viết “Chinh phụ ca”, ông có nhớ về những câu trong bài “Mòn mỗi “ của Thanh Tịnh (Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa mơ .../ Ngựa hồng đã đến bên yên ...) ?

Hình ảnh “ngựa”, dường như, ảnh hưởng nhiều đến Trịnh Công Sơn (?). Ngoài những “ngựa hồng” đã trích đoạn trên, ngựa xuất hiện trong nhiều ca khúc của ông, từ thập niên 60s cho đến 80s ! Trong “Một cõi đi về”, “Dấu chân địa đàng”. Trong “Phúc âm buồn”, “Một ngày như mọi ngày”, “Xa dấu mặt trời “ vv

Lông ngựa có nhiều màu. Mỗi màu là một giống ngựa, một tên gọi. Trắng: ngựa bạch. Trắng pha tí đen: ngựa kim. Trắng đen pha tí đỏ: ngựa đạ. Đen: ngựa ô hay ngựa ly. Đen móng trắng: chuy.

Đen pha chút đỏ: ngựa khứu, pha nhiều đỏ: ngựa hỏi, pha đỏ tươi: ngựa vang . Tím: ngựa hoa. Lông đỏ tía, bờm và đuôi màu đen, gọi là lưu. Vàng: phiếu vv Sách ghi sao thì chép vậy, nhưng không biết có đúng với thực tế không. Như ngựa hồng, tên vậy nhưng màu không vậy. Nó không hồng như hoa đã đành, mà cũng không được như “môi hồng đào” ! Theo wikipedia, có nhiều giống ngựa hồng: hồng, hồng lợt, hồng tía, hồng điều, hồng lão, hồng đỉnh, hồng cháy, hồng mốc, hồng quy, hồng chuy. Gọi hồng nhưng chả thấy hồng chỗ nào. Nhất là giống hồng chuy. Nhìn giống như bò sữa !

Ngoài ngựa hồng, ngựa vằn cũng làm cho người ta thắc mắc: đó là con ngựa đen có sọc trắng ? hay con ngựa trắng có sọc đen ?!



Nguồn: Wikipedia

5/ Ngựa trong tôn giáo:

Trong đạo Phật, Đường Tăng Trần huyền Trang đi thỉnh kinh ở Tây Trúc, ngoài 3 đệ tử: Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa tăng, còn phải kể tuấn mã Bạch Long. Không có Bạch Long Mã thì chắc chắn là ông Tam Tạng không thỉnh được bộ kinh.

Với người Công giáo, sách Khải Huyền nói đến Tứ kỵ sĩ cỡi 4 con ngựa, trắng, đỏ, đen và xám, 4 trong 7 dấu phong ấn trong quyển sách trong tay phải của Chúa. 4 kỵ sĩ có “nhiệm vụ” làm “sạch” trái đất (báo hiệu ngày Tận Thế). Kỵ sĩ cỡi ngựa trắng đại diện cho bệnh dịch giết người. Kỵ sĩ ngựa đỏ tượng trưng cho chiến tranh. Kỵ sĩ cỡi ngựa ô tượng trưng cho đói kém. Kỵ sĩ cỡi ngựa xám tượng trưng cho Tử Thần. 3 phong ấn còn lại: phong thứ 5 giải thoát những oan hồn, vì ganh tỵ, muốn đòi mạng những người còn sống; phong thứ 6 mang đến thiên tai, hầu như “hủy diệt” mặt trời, mặt trăng. Phong thứ 7: chỉ còn sự IM LẶNG !

6/ Ngựa trong văn chương, nghệ thuật, hội họa:

Văn:

Là quyển phóng sự “Trước vành móng ngựa” của Hoàng Đạo (Đời nay – Hà Nội / 1938), lên án cái xã hội bất công dưới chế độ thực dân Pháp, qua nhân vật tên Hòa, bị kết tội oan “trước vành móng ngựa”

Là tuyển tập “Tàu ngựa cũ”, đoạt giải Văn Chương Việt Nam Cộng Hòa (1961), gồm 9 truyện ngắn, của nhà văn Linh Bảo (Đời nay – Sài Gòn / 1961), trong đó, truyện “Tàu ngựa cũ”, nói về một gặp gỡ không hẹn trước, trên chuyến tàu hỏa Huế-Sài Gòn, giữa hai người yêu cũ ! Khi con tàu ghé Nha Trang thì vợ “chàng” bước lên, “nàng” lặng lẽ bước xuống. Và “chàng”, phút chốc, chợt thấy mình như một con ... ngựa mà “định mệnh đã an bài”, phải trở về với tàu ngựa “cũ” ngồi kể bên !

Là tiểu thuyết “Vết thù hằn trên lưng ngựa hoang” của Duyên Anh (Sài Gòn 1971), nói về “Hoàng Guitar”, một tay “anh chị” trí thức (đỗ tú tài 2), sau một thời gian làm quân sư cho Đại Cathay (Trần Đại), Hoàng mệt mỏi, muốn làm lại cuộc đời bên vợ đẹp, con ngoan. Nhưng trong chuyến đi “hàng” cuối thì bị bắn chết !

Là tiểu thuyết “Ngựa chứng trong sân trường” của Duyên Anh (Tuổi Ngọc / 1971) xoay quanh hai nhân vật chính là ông thầy trẻ Định và cậu học trò Phong, cầm đầu nhóm “quậy”. Cuối cùng đám ngựa chứng được thầy cảm hóa !

Ở miền Bắc, thời Nhân Văn Giai Phẩm, Phùng Cung (1928-1997) viết “Con ngựa già của chúa Trịnh” (1956) chỉ trích những văn nô viết theo lệnh Đảng. Bị tù 12 năm (bản án nặng nhất trong các cây bút phản kháng Đảng)

Thơ:

Không biết ngựa xuất hiện trong thơ Việt Nam từ lúc nào. Chỉ biết thế kỷ 18, thập niên 20s, 30s Đặng Trần Côn (1710 (?) -1745), Đoàn thị Điểm (1705-1749), đã mang nó vào Chinh phụ ngâm (chí làm trai dặm nghìn da ngựa/ bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền/ ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in v), “Lục súc tranh công”. Rồi đến Kim Vân Kiều (người lên ngựa, kẻ chia bào v). “Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo” (bà Huyện Thanh Quan) là câu thơ được giới học trò “miền

Nam” nhớ nhiều nhất, lâu nhất !

Thơ tiền chiến, trong quyển “Thi nhân việt nam hiện đại” của Hoài Thanh, ngựa xuất hiện trong thơ (Bác Sĩ) Thái Can, chịu ảnh hưởng của Chinh Phụ ngâm (?), với những câu: “Chinh phu ruổi ngựa lên miền Bắc .../ Vó ngựa chập chùng lên ải Bắc .../ Ngựa hí vang lưng trần gió may”, Phan Thanh Phước (hậu duệ cụ Phan Thanh Giản) : “Ta đi trong đời hay trên mây / Vó ngựa sơn hà nhúng rượu say”, Thanh Tịnh “Ngựa hồng đã đến bên hiên / Chị ơi, trên ngựa chiếc yên... vắng người !”. Xuân Diệu (Và hồn tôi như ngựa trẻ không cương/ Con ngựa chiến ngất ngây đường viêu (?) viễn). Huy Cận (Dừng chân nghỉ ngựa non cao/ Dặm xa lữ thứ, kẻ nào héo hon). Nguyễn Bính (sinh năm Mậu Ngọ 1918): “Có một chiếc xe màu trắng đục. Hai con ngựa trắng, bước hàng đôi ... “Em vốn đường dài thân ngựa lẻ. Chị thì sông Cái nước đò ngang .../ “v

Tôi yêu nhất con ngựa say mà Lưu Trọng Lư mơ có “Ước gì ta có ngựa say. Con sông bên ấy, bên này của ta ... Ta say, ngựa cũng tàn ngần, Trời cao xuống thấp, núi gần lên xa”. Ừ nhỉ, tại sao không? - Ta một ly, ...ngộ một ly / Minh: đơn thân, độc mã / Đâu ai chờ làm chi ?! / Uống cho xong cái đã / Đường xa có ngại gì !

Thời sau 54 ở miền Nam, một trong hai người trẻ của nhóm Sáng Tạo: cậu học trò Tô Thùy Yên (18 tuổi), qua bài “cánh đồng con ngựa chuyển tàu “ với những ý tưởng, những chữ, những câu, những vần điệu mới lạ, đã cho thấy là một tài thơ lớn (như người bạn Thanh Tâm Tuyền):

“Trên cánh đồng hoang thuần một màu. Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi. Tàu chạy mau mà qua rất lâu. Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau. Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu. Cỏ cây, cỏ cây lùi chóng mặt. Gò nổi cao rồi thung lũng sâu. Ngựa thở hào hển, thở hào hển. Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau. Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn. Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu. Cánh đồng, a! cánh đồng sắp hết. Tàu chạy mau, càng mau, càng mau. Ngựa ngã lăn mình muốt như cỏ. Chấm giữa nền nhưng một vết nâu / 4-1956”.

Nhân ngày Tết xin ghi lại một chuyện vui (trên mạng)

“Có phú ông nọ, ruộng trâu bèo bèo, có con ngựa quý mà ông rất

cưng. Ông bà có đứa con gái khá xinh vừa đến tuổi cập kê. Vốn sính chữ nghĩa muốn kén chàng rể, dẫu chưa được hàng Tú, Cử thì ít ra cũng thuộc hạng sinh đồ, ba bề chữ nghĩa.

Một ngày, có ba chàng trai trẻ ăn mặc ra dáng học trò xin vào yết kiến. Sau khi nghe ba chàng ngỏ ý muốn thử tài trong cuộc kén rể, phú ông chỉ con ngựa đang cột dưới gốc cây ngoài cổng, bảo:

- Các cậu nhìn con ngựa của lão kia. Đó là giống ngựa rất quý, chạy rất nhanh. Mỗi cậu hãy làm một bài thơ vịnh con ngựa này. Bài của cậu nào hay, cậu đó sẽ thành rể lão.

Ba chàng học trò ngồi xuống, hăm hở, nhíu mày nghĩ thơ.

Anh thứ nhất chột nhìn ra chỗ con ngựa thấy một chiếc lá vàng ở trên cây vừa rụng xuống, chột nảy tứ thơ, liền đọc:

*Mùa thu, lá vàng rơi
Ngựa ông phi như chơi
Phi đi rồi phi lại
Chiếc lá vẫn ngang trời.*

Con ngựa chạy nhanh thật, đúng là giống ngựa quý. Phú ông nghe xong, cười lớn khen hay khiến cô con gái đang ngồi khâu vá gần bên, giật mình đánh rơi cái kim vào cốc nước đang uống dở. Anh thứ hai nhìn thấy, liền đọc:

*Tiểu thư đánh rơi kim
Ngựa ông phi như chim
Phi đi rồi phi lại
Đáy cốc, kim chưa chìm.*

Thật là tuyệt, ăn đứt con ngựa của anh thứ nhất! Phú ông lại được dịp khen nức, khen nỏ trong lúc anh thứ nhất buồn thiu, còn anh thứ ba vẫn ngồi im như thóc.

Đột nhiên, từ phía bà vợ phú ông đang ngồi bồm bẻm nhai trà trên cái giường bên cạnh phát ra một tiếng “rít” to. Thật là món quà trời cho, anh thứ ba liền nhanh nhẩu đọc:

*Lão mẩu đánh cái “rít”
Ngựa ông phi mù tít
Phi đi rồi phi về
Lỡ dít vẫn chưa khít.*

Lão phú ông một lần nữa sửng người, há hốc mồm, con ngựa của anh này phi nhanh đến thế là cùng. Trên thế gian này, chắc không còn có con ngựa nào phi nhanh hơn thế nữa. Thế là lão chấm cho anh thứ ba thắng cuộc”

Hội họa – Điêu khắc

Vùng Périgord (tây – nam Pháp) không chỉ nổi tiếng về gan ngỗng, paté gan ngỗng, confit de canard, nấm (truffe noire, cepres), rượu Bergerac vv Mà còn là những hang động Lascaux (di sản Unesco) với nhiều hình khắc, vẽ, trên đá, một số thú vật thời tiền sử. Một trong những hình vẽ phổ biến là con ngựa hồng



(nguồn: wikipédia)

Như thế, cùng với nhiều con thú khác (bò, hươu, nai vv) ngựa đã đi vào hội họa từ thủa “tiền-ngày-xưa-ngày-xưa”. Nhưng, 17000 năm sau, chỉ có nó là còn xuất hiện nhiều qua cọ vẽ, sơn màu, trên khắp thế giới.

Những bức họa “ngựa” nổi tiếng của những họa sĩ tây-phương nổi tiếng (Michelangelo, Vinci, Repin, Delacroix, Domenico vv) là những “tuyệt tác”, đưa ra những “hình ảnh” rất gần với ngựa (bắp thịt, móng, chân vv). Như các họa phẩm của Leonard de Vinci và Michelangelo

Bức Ngựa thành Troie cho thấy một con ngựa to lớn, nở nang, khỏe mạnh, trong khi bức “Nàng Godiva” thì, có lẽ, ít chàng nào ngắm ngựa!

Ở các quốc gia Đông phương (Tàu, Nhật, Hàn, Việt), ngựa cũng xuất hiện nhiều qua tranh vẽ. Nhất là Tàu. Họa sĩ vẽ ngựa nổi tiếng nhất là Từ Bi Hồng (1895-1953)



Leonard de Vinci



Michelangelo



Ngựa thành Troie vẽ 1760
(Giovanni Domenico)



Lady Godiva vẽ 1897
(John Collier (1850-1934))



tranh Từ Bi Hồng

“Đông là đông, Tây là tây”. Lần này thì tôi đồng ý với Kipling, khi xem tranh ngựa-tây rồi ngựa-đông. Chỉ là một người “xem

tranh” nên tôi đành “copy-paste” nhận xét của anh Đinh Cường (27/1/2014) về tranh Từ Bi Hồng:

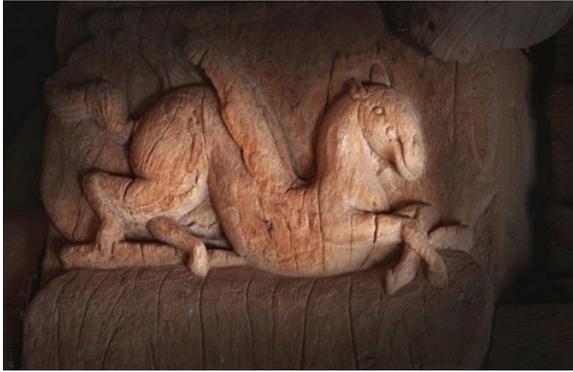
“...tranh độc mã hay quần mã của Từ Bi Hồng mang sắc thái độc đáo và sống động. Đó là một sự kết hợp hài hòa giữa tính cổ điển Tây phương và sự ước lệ Trung Quốc. Những nét mực tàu chấm phá mạnh mẽ và hùng hồn nhưng không kém phần tráng lệ, kiêu diễm, tượng trưng cái đẹp thiên phú của loài ngựa. Đôi khi chỉ cần vài nét bút vờn lên giấy, dù lợt tả ở dáng nào, tư thế nào đi nữa, ngựa trong tranh của Từ Bi Hồng không bao giờ trong tư thế tĩnh, nó luôn căng tràn sức sống, linh động và mạnh mẽ, phóng khoáng và tràn đầy thần thái, khiến cho ngựa của ông vẽ dường như lúc nào cũng như muốn bay ra khỏi tranh” (nguồn: internet)

Trái với Tàu, dường như “ngựa” không được các họa sĩ tiên phong, thế hệ các ông Nguyễn phan Chánh, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Lê Phổ, Tô ngọc Vân, Trần văn Cẩn vv, chú ý đến (?). Chỉ có thế hệ kế tiếp, như họa sĩ Lê Bá Đảng (1921-2015) và các Họa sĩ “Trẻ” thời VNCH. Ở Việt Nam hiện nay, Lê Trí Dũng (1949) là họa sĩ nổi tiếng chuyên trị “ngựa”.

Về thế hệ họa sĩ “trẻ” miền Nam, anh Đinh Cường nhớ lại:

“Mà thôi, tạm xếp lại để nhớ đến ngựa trong tranh của anh em bạn bè, một thời Hội Họa Mùa Xuân Sài Gòn... Ngựa, như lao vút vào một mảng nâu nhẹ của Lâm Triết. Ngựa, thiếu nữ, và lẳng hoa trên đồi xanh nhà thờ của Trịnh Cung. Ngựa đài các của Nguyễn Khai, ngựa liêu trai của Nghiêu Đề, ngựa đậm bạc của Nguyễn Trung, ngựa khắc khoải của Nguyễn Đồng, ngựa mũm mĩm của Nguyễn Thị Hợp, ngựa quay cuồng của Hà Cẩm Tâm, ngựa đá Huế đầy hoa ngũ sắc của Bửu Chỉ... và không quên được người đam mê vẽ ngựa nhất là Trần Quang Hiếu, từ Pháp về Sài Gòn những năm 60, để rồi, sau 75 đã nằm chết xác xơ bên hè đường vì rượu và kiệt lực. Ngựa và người. Những thân phận. Và nghệ thuật thăng hoa”

Ngựa cũng xuất hiện rất sớm trong điêu khắc Việt Nam (từ thế kỷ 16). Như khắc bằng ngựa ở đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội) thế kỷ 16. Hay ở các đình: Hoàn Sơn, Nam Đàn (thế kỷ 18); Liên Hiệp, Hà Nội (thế kỷ 1); Diềm, Bắc Ninh (thế kỷ 17), Quang Húc, Hà Nội (thế kỷ 17, 18) vv



(ngựa đình Tây Đằng / nguồn: internet)

7/ Ngựa trong ẩm thực:

Sữa ngựa có nhiều calcium, magnesium, phosphore, vitamines (A,B,C..) vv, được tiêu thụ nhiều ở vùng Trung Á. Sữa ngựa cũng được chế biến thành rượu rất được người Mông Cổ yêu thích (tốt cho mông, cổ ?)

Thịt ngựa có nhiều vitamines, nhiều chất dinh dưỡng thiết yếu như sắt, kẽm, chất béo oméga-3. Rất tốt cho những người bị cao mỡ.

Thú thật là tôi chỉ mới (bị) ăn thịt ngựa từ hơn năm nay ! Nên anh nhà quê chỉ biết có vài món (Tây) cơ bản thao diễn: rumsteak, steak haché, rôti, dù có nhiều món chiến (?) khác. Như thịt ngựa hầm bia, thịt ngựa ướp mù-tạt / thym, hay mì ống dồn thịt ngựa. Trái với bếp Việt Nam “trăm hoa đua nở”: ngựa xào (12 món: hành tây, nấm, sả ớt, măng tây, sa tế, rau muống, vv), cuộn rau củ nướng, cuốn bánh tráng, hầm nấm, nướng, hấp vv

.....
Sưu tầm một số “danh từ”, “thành ngữ”, ca dao về Ngựa, Mã, Ngựa

Danh từ:

Ngựa môn: môn học về ngựa

Ngựa nhật: ngựa lùn (ngựa Nhật)

Đoan ngựa: ngựa (cái) đoan trang

Ngựa về ngược: 30/4 !!!!

Ngựa ăn sương: đĩ ngựa !
Kỵ mã: tuổi kỵ tuổi ngựa (tý, meo, dậu)
Mã đáo thành công: “Việt kiều” hồi hương !
Mã hóa: bị hóa thành ngựa
Mã tà: ngựa bị quỷ nhập
Mã tấu: đi với “răng đen” !
Mã não: óc ngựa
Mã thượng: ngồi lưng ngựa
Thượng mã phong: cưới ngựa trúng gió
Mã tiền: tiền ăn cá ngựa
Mã đề: các số 12-52-92 (chơi đề)
Mã tiên: ngựa trời
Mã Viện: viện nuôi ngựa
Mã Giám Sinh: ngựa non (mới sinh) của Thái Giám
Mã Thượng Tứ: 4 người cưới chung một ngựa
Mã phu: chồng ngựa cái
Tái ông thất mã: Ngựa 7 món ông Tái (đối diện “Bò 7 món Ảnh Hồng”)
Trảm mã trà: trà thất đức !
Phò mã: chân ngựa

Thành ngữ:

Quất ngựa truy phong: cưới ngựa hóng gió
Chiêu binh mãi mã: tuyển người bán ngựa
Đơn thương độc mã: tình yêu một chiều !
Hồi mã thương: thương người, được người thương lại!
Thẳng như ruột ngựa: không bị táo bón
Mồm chó, vó ngựa: nhà giàu đi sẵn
Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã: đại hội Đảng !
Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ: ngựa bị covid !
Đầu trâu mặt ngựa: công an, quản giáo
Thay ngựa đổi chủ: “phản thùng”
Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy: hành khách nói chuyện trên
TGV (xe lửa siêu cao tốc)

Ca dao:

Ngựa ô chẳng cưỡi, chẳng bò,
Đường ngay không chạy, chạy dò đường quanh.
Ngựa hay chẳng quản đường dài,
Nước kiệu mới biết tài trai anh hùng.
Có chồng như ngựa có cương,
Ngõ em em đứng, đường trường anh đi...
Tiếc thay con ngựa cao bành,
Để cho chủ ấy tập tà thành không nên.
Đường dài ngựa chạy biệt tăm,
Người thương có nghĩa trăm năm cũng về.

dị cư 54:

Bây giờ kẻ Bắc người Nam
Ngựa "Hồ" fl, chim Việt biết làm sao đây ?!

dị tản 75:

Bóng hồng xa khuất chân mây
Biết bao giờ lại có ngày đoàn viên ?!!!
vv

.....

Bính Ngọ 1966 – Bính Ngọ 2026: 60 năm ! Nếu tính từ Giáp Ngọ 1954 là 72 năm

1954, năm “9 nút”, năm khai sinh quốc gia Việt Nam Cộng Hòa. Tưởng đâu là hên nhưng số 9 chỉ mang xui xẻo: là tuổi thọ của hai nền Cộng Hòa: đệ Nhất / 9 năm (1954(5)-1963), đệ Nhị/9 năm (1966(7)-1975)!

Trong cơn sốt “hồng thủy” tháng 4-75, 150 ngàn người “may mắn” thoát được ra nước ngoài, đa số tập trung ở Hoa Kỳ. Sau một thời gian bỡ ngỡ, lo âu, chập chững hội nhập vào cuộc sống mới. “An cư lạc ...khẩu” rồi, “người di tản buồn” mới bắt đầu nghĩ đến món ăn tinh thần.

Tuy Đất Mới (ông Vũ Đức Vinh) là tờ “báo” Việt đầu tiên (của người tị nạn) ra đời tháng 7/1975, rồi Lửa Việt (ông Nguyễn Ngọc Bích) tháng 12/75 ở WA nhưng năm 1976 mới là năm “khai sinh” nền “văn học (văn chương, báo chí) lưu vong”. Chưa tròn một năm sau ngày Ban Mê

Thuật thất thủ (10/3/75), ngày 6/3/1976 tờ Trắng Đen (ông Việt Định Phương) thừa Sài-Gòn-đẹp-lắm “tái xuất giang hồ”. Tác phẩm lưu-vong đầu tiên “Thư gửi bạn” (Võ Phiến) cũng ra mắt năm này.

Từ 1976 đến nay, sau 50 năm, nền văn học nghệ thuật hải-ngoại VIỆT NAM (đã) là một thực thể. Một “đại thực thể” mà, thiết nghĩ, không một cộng đồng hải ngoại nào có được như chúng ta. Cho dù đó là Tàu. Cho dù đó là Do Thái. Nền văn- học-nghệ-thuật-hải-ngoại VIỆT NAM là nền văn-học-nghệ-thuật-“miền-Nam”, mà lúc đầu (1975-1980) có thể gọi là nền văn-học-nghệ-thuật-Việt-Nam-Cộng-Hòa nổi dài. Do đa số các tác giả “di-tản-75”, vượt biên (77-79), là những người đã thành danh bên nhà. Từ văn chương, âm nhạc, thơ kịch, điện ảnh đến hội họa, nhiếp ảnh, điêu khắc. vv

Nhưng, chính những đợt thuyền nhân, bộ nhân, đoàn tụ, H.O. vv, sau 1980, mới là những đợt phù sa, bù đắp, mang đến cho nền văn-học-nghệ-thuật-hải-ngoại Việt Nam một sinh khí mới, một tầm vóc mới, đa dạng, đa phần. Qua những cây bút “cũ” (trước 75), với những ngòi viết “mới” (hải ngoại).

Người Cộng Sản có viết lại lịch sử, áp đặt chính trị vào văn học, nghệ thuật bên nhà nhưng họ không thể nào ém nhem, bôi xấu nền “văn học nghệ thuật hải ngoại (VNCH)” mà càng ngày, qua internet, càng có nhiều người trẻ trong nước tìm đọc.

Trong một bài viết năm xưa, anh Bùi bảo Trúc thú nhận là anh “thù” nữ ký giả Shana Alexander (1925-2005), một trong những cây viết chính trên “Life” và nổi tiếng trong chương trình “60 phút” trên TV. Năm 1975, khi những “người di tản buồn” đặt chân đến Mỹ thì Alexander, trên tờ Newsweek, đã viết một bài báo lo ngại là những người tị nạn này không biết sử dụng cái máy giặt, không biết Michelangelo là ai, thì làm sao sống nổi ở Mỹ ?! Anh Trúc cho rằng viết như thế là nhục mạ người Việt Nam. Tôi hoàn toàn đồng ý với anh. Lo như bà Shana thà đừng lo còn hơn. Mà có lo thì cũng nên để trong bụng, viết ra chỉ lòi cái .. thiếu suy nghĩ của mình! Không biết giặt máy thì giặt tay (Bà Alexander thừa biết điều này, vì bà sinh năm 1925). Cũng như không biết người bảo trợ mới khó ... sống, chứ không biết một ông người Ý thời ... Phục Hưng thì đâu có chết ai !

Chắc chắn là khi “hạ” những câu đó, bà Alexander chưa đọc tờ “Vietnam bulletin” của nhóm Nguyễn đình Hòa, Nguyễn Ngọc Linh, Phùng thi Cam vv (là những người có “trình độ”, ít nhất, cũng như bà Alexander) vv xuất hiện từ những năm đầu thập niên 50, chưa đọc truyện Kiều (viết trong giai đoạn 1785 – 1790) qua bản dịch Anh ngữ (1973) của GS Huỳnh sanh Thông (thế kỷ 18, Mỹ có kiệt tác nào tương đương như Kiều ?!). Cũng như bà đã không đi xem triển lãm tranh của các họa sĩ Ngy Cao Uyên, Thái Tuấn, Đinh Cường vv do tòa đại sứ VNCH tổ chức năm 68 hay ‘triển lãm tranh ‘thủy mặc’ (cụ Trương cam Khải) năm 70 vv Cho nên bà mới lo dùm cho cái đám tị nạn (mà bà nghĩ là “cù lằn, nhà quê” ấy! Cùng là “di dân” với nhau (Shana Alexander gốc Do Thái), sao lại có thể viết ra được những câu “bất cận nhân tình” như thế, bà Alexander ?! Y như những lời nguyện rủa người Việt Nam của ông “đồng bào, đồng gốc” Henry Kissinger của bà !!!

Không cần đến 50 năm. Chỉ 7 năm sau 1975, 1982: “Hiệp hội thương gia Little Saigon” đã được thành lập. Năm 1986, lễ khánh thành “khu Little Sài Gòn” dưới sự chủ tọa của Thống Đốc California.

Không cần đến 50 năm. Chỉ 30 năm sau 75, cô bé tị nạn Dương nguyệt Ánh, đã nhận được nhiều khen thưởng và huy chương cao quý của Hoa Kỳ, các cậu bé: Lương xuân Việt, Cao Hùng: người Thiếu Tướng, kẻ Thứ Trưởng vv

“Trứng Rồng lại nở ra Rồng”. Hoa Việt đầy mầm trên đất Cờ Hoa !

51 năm sau 75, 4 triệu người Việt hải ngoại đã có những món ăn tinh thần phong phú, đồ sộ, một nền văn học nghệ thuật hải ngoại mà chưa một cộng đồng nào có được. Đầu đó là cộng đồng Tàu, cộng đồng Do Thái. Người Tàu Chợ Lớn nghe nhạc Tàu Hồng Kông, đọc sách Tàu Đài Loan. Người Do Thái Paris đọc sách Tel-Aviv, nghe nhạc Tel-Aviv. Trong khi người Việt Melbourne, người Việt Berlin, người Việt Londres, người Việt Cali, người Việt Tokyo, Seoul, người Việt Oslo vv đọc sách Việt, nghe nhạc Việt, xem tranh Việt vv Sáng tác bên ngoài Việt Nam!

Ngựa Việt Nam, tuy nhỏ con (cao 1.5m), nhẹ ký (160kg), chạy không nhanh (26km/ giờ), trong trường đua, thua là chuyện phải có! Nhưng trong trường đời lại là chuyện khác, nhất là đua đường trường. Coi vậy mà không vậy.

Đường dài mới biết ngựa hay
Theo thời gian, mới biết ai anh hùng!
(Không cần “tự sướng, tự xưng” !)

Chào xuân, đón Tết, lại nhớ mấy câu lục bát, mà tôi rất yêu, của người Bùi Giáng

Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miền trường phía sau
Tóc xanh dù có phai màu
Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng:”

Có điều, bây giờ, với tôi, là:”mùa đông phía trước, xuân trường phía sau” !

“Thưa rằng: ly biệt mai sau

Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân “

Mong rằng Bính Ngọ 2026 sẽ là Nguyên một năm Xuân. Cho tất cả mọi người !

Cung Chúc Tân Xuân !

26/11/2025

BP

Tham khảo:

Wikipedia - “binhdinh-salongcuong.org”

“tranthinguyetmai.wordpress.com” - “ phongtauhu.wordpress.com”